**CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM**

**Chương 1**

1. Bộ “ Tư bản” – tác phẩm chủ yếu và cơ bản ấy trình bày chủ nghĩa xã hội khoa học… xác định trên của Lê nin với ý nghĩa:
   1. CNXHKH là một trong ba bộ phận của chủ nghĩa Mác.
   2. CNXHKH là chủ nghĩa Mác. \*
   3. CNXHKH là một trong những đỉnh cao nhất của khoa học xã hội
   4. CNXHKH là hệ tư tưởng chính trị của giai cấp công nhân.
2. Nguyên lý cơ bản nghiên cứu CNXHKH là:
   1. Mối liên hệ phổ biến và sự phát triển của lịch sử xã hội. \*
   2. Mối liên hệ LLSX và QHSX.
   3. Mâu thuẫn LLSX và QHSX.
   4. Hình thai kinh tế - xã hội.
3. “ Sự khái quát lý luận về những điều kiện giải phóng của giai cấp vô sản”, thuộc về:
   1. Khái niệm CNXHKH.
   2. Vị trí của CNXHKH.
   3. Phương pháp nghiên cứu CNXHKH.
   4. Đối tượng nghiên cứu của CNXHKH. \*
4. “ Vận dụng sáng tạo lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh để nghiên cứu phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học”, thuộc phương pháp nghiên cứu:
   1. Kết hợp lịch sử – lôgíc.
   2. Khảo sát và phân tích.
   3. Tổng kết lý luận từ thực tiễn. \*
   4. Liên ngành.
5. Nghiên cứu, học tập CNXHKH không chỉ để nhận thức và giải thích thế giới, mà điều quan trọng là góp phần cải tạo thế giới. Nội dung nói về:
   1. Ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXHKH. \*
   2. Chức năng của CNXHKH.
   3. Vị trí của CNXHKH.
   4. Phương pháp nghiên cứu của CNXHKH.

**Chương 2**

1. CNXHKH thuộc sự phân loại tư tưởng xã hội chủ nghĩa theo:
   1. Lịch đại.
   2. Trình độ phát triển.
   3. Sự kết hợp giữa lịch đại và trình độ phát triển. \*
   4. Quan điềm của chủ nghĩa Mác – Lênin.
2. Những ước mơ, khát vọng của người lao động bị áp bức, bóc lột về một xã hội mới tốt đẹp. Thuộc tư tưởng XHCN thời:
   1. Nguyên thủy.
   2. Cổ đại. \*
   3. Cận đại tư bản.
   4. Hiện đại.
3. Trạng thái tự nhiên xã hội loài người trong lịch sử thuộc thời đại nào:
   1. Công xã nguyên thủy. \*
   2. Cổ đại.
   3. Phong kiến.
   4. Tư bản.
4. Phong trào đấu tranh Xpáctaquýt do giai cấp nào thực hiện:
   1. Nông dân.
   2. Nô lệ và dân nghèo.\*
   3. Vô sản.
   4. Cả ba giai cấp trên.
5. Hiến pháp quy định “ nô lệ không có tính người” của quốc gia nào:
   1. Hy Lạp.
   2. La Mã.\*
   3. Ai Cập.
   4. Ba Tư.
6. Platôn không được coi là người có tư tưởng XHCN vì:
   1. Phê phán sự giàu có và sự nghèo nàn.
   2. Chủ trương điếu tiết sự giàu – nghèo.
   3. Phủ nhận vai trò cách mạng của tầng lớp bên dưới. \*
   4. Cả ba nội dung trên.
7. “ Thời đại hoàng kim” được mô ta với nội dung:
   1. Sở hữu công cộng về ruộng đất.
   2. Mọi ngưới đều bình đẳng và tự do.
   3. Mọi người đều có cuộc sống hạnh phúc.
   4. Cả ba nội dung trên.\*
8. Sự phân công lao động từ thề kỷ XVI đến cách mạng công nghiệp Anh, với tên gọi:
   1. Công xã nông nghiệp.
   2. Xưởng thợ.
   3. Công trường thủ công.\*
   4. Công xưởng.
9. “ Quá trình lịch sử đã dẫn đến việc phá vỡ sự thống nhất ban đầu giữa người lao động và tư liệu lao động của người đó…”, gọi là:
   1. Bóc lột giá trị thặng dư.
   2. Tích lũy nguyên thủy của CNTB. \*
   3. Tích lũy tư bản.
   4. Tích tụ tư bản.
10. Người đầu tiên đưa ra quan niệm: Muốn xóa bỏ áp bức, bóc lột, bất công – cần xóa bỏ chế độ tư hữu là :
    1. Tômanđô Campanela.
    2. Tômát Morơ. \*
    3. Giăng Mêliê.
    4. Sáclơ Phuriê.
11. Mô tả về một xã hội trong đó không có người ăn bám, mọi người làm việc sáu giờ trong ngày… của:
    1. Tômát Morơ. \*
    2. H. Xanhximông.
    3. S. Phuriê.
    4. R. Ôoen.
12. “ Trong tình hình sản xuất tư bản chủ nghĩa còn chưa chin muồi, thì lỳ luận tương ứng với tình hình đó cũng chưa chin muồi được”. Nội dung trên nói về:
    1. Hoàn cảnh lịch sử.
    2. Nội dung tư tưởng XHCN.
    3. Những hạn chế của CNXH không tưởng.
    4. Nguyên nhân của những hạn chế. \*
13. Điều kiện kinh tế –xã hội cơ bản nào cho sự ra đời của CNXHKH:
    1. Nền sản xuất đại công nghiệp TBCN toàn thắng.\*
    2. Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa hình thành.
    3. Những phát minh mới trong khoa học tư nhiên.
    4. Những thành tựu mới về khoa học xã hội.
14. Những nguyên lý cơ bản của CNXHKH quy tụ trong tác phẩm nào của C. Mác và Ph. Ăngghen:
    1. Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hêghen.
    2. Tình cảnh giai cấp công nhân Anh.
    3. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản. \*
    4. Bộ: “Tư bản”.
15. Lần đầu tiên CNXH được trình bày một cách khoa học trong tác phẩm nào của C. Mác:
    1. Bản thảo kinh tế – triết học năm1844.
    2. “ Tư bản” phê phán khoa kinh tế chính trị năm1867.\*
    3. Tình cảnh giai cấp công nhân Anh.
    4. Sự khốn cùng của triết học.
16. Tại sao chúng ta phải kế thừa và phát triển những nguyên lý của CNXHKH:
    1. Chủ nghĩa tư bản đã thay đổi về bản chất.
    2. Chủ nghĩa tư bản đã lạc hậu về phương diện lịch sử.
    3. Chủ nghĩa xã hội hiện thực lâm vào khủng hoảng.
    4. Điều kiện lịch sử mới đầu thế kỷ XXI.\*

**Chương 3**

1. Phương thức lao động và phương thức sản xuất khác nhau ở chỗ:
   1. Lao động cụ thể.
   2. Lao động trừu tượng.
   3. Kết quả của quá trình lao động sản xuất. \*
   4. Lao động chân tay.
2. Tập đoàn xã hội, nghĩa là “ một tổ chức lao động xã hội nhất định” do quá trình nào tạo ra:
   1. Sự phân công lao động trong công trường thủ công. \*
   2. Hợp tác giản đơn.
   3. Nền công nghiệp hiện đại.
   4. Sự phân chia lao động thành các lĩnh vực.
3. Giai cấp vô sản phát triển trong xã hội tư bản do:
   1. Quá trình tích lũy nguyên thủy.
   2. Bị bóc lột giá trị thặng dư.
   3. Sự phát triển của đại công nghiệp. \*
   4. Sự thống trị của nhà tư bản.
4. Công nhân công xưởng bao gồm:
   1. Giám đốc công xưởng, những kỹ sư.
   2. Thợ máy, thợ chính, thợ phụ.
   3. Người đi chào hàng, kẻ môi giới bán hàng…
   4. Tất cả mọi người nói trên. \*
5. Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân:
   1. Sự phát triển của nền sản xuất vất chất đại công nghiệp TBCN\*
   2. Đấu tranh kinh tế trước mắt.
   3. Đấu tranh chính trị.
   4. Sự hình thành chính Đảng của giai cấp công nhân.
6. Phong trào hiến chương công nhân Anh với nội dung:
   1. Đập phá máy móc.
   2. Đình công, bãi công.
   3. Đấu tranh kinh tế.
   4. Đòi cải cách tuyển cử. \*
7. Ngày 1/5 hàng năm, tiến hành lễ quốc tế của giai cấp vô sản được đưa ra trong:
   1. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản năm 1848.
   2. Hội liên hiệp lao động quốc tế năm 1864.
   3. Hội liên hiệp công nhân quốc tế năm 1866.
   4. Đại hội công nhân Pari năm 1889.\*
8. Sự ra đời của Đảng Cộng sản là sự kết hợp giửa chủ nghĩa Mác – Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước thường diễn ra ở:
   1. Các nước tư bản chủ nghĩa.
   2. Các nước thuộc đia, nửa thuộc địa. \*
   3. Các nước phong kiến.
   4. Các nước đang phát triển.

**Chương 4**

1. Cách mạng xã hội chủ nghĩa nổ ra do:
   1. Sự tập trung TLSX và xã hội hóa lao động của nền sản xuất TBCN.\*
   2. Tình thế cách mạng.
   3. Thời cơ cách mạng.
   4. Phương pháp cách mạng đúng.
2. Điều kiện khách quan khách của cách mạng XHCN là:
   1. Nền sản xuất đại công nghiệp xã hội hóa TBCN.\*
   2. Giai cấp công nhân đấu tranh chống lại nhà tư bản.
   3. Sự ra đời của Đảng Cộng Sản.
   4. Sự bóc lột của giai cấp tư sản.
3. Giành chính quyền là vấn đề cơ bản của cách mạng XHCN vì:
   1. Chính quyền Nhà nước là trụ cột của XHXHCN.\*
   2. Sự phản kháng của giai cấp tư sản.
   3. Tập hợp lực lượng cách mạng.
   4. Liên minh với những người lao động.
4. Khả năng giành chính quyền bằng phương pháp hòa bình của cách mạng XHCN, được C. Mác nghiên cứu từ thực tiễn lịch sử:
   1. Nước Anh vào những năm 70 thế kỷ XIX. \*
   2. Nước Pháp năm 1789.
   3. Châu Âu năm 1848.
   4. Nước Đức trong chiến tranh Pháp, Phổ.
5. Điều kiện cơ bản nhất đưa con người sang “ Vương quốc chân chính của tự do”, theo phân tích của C. Mác là:
   1. Rút ngắn thời gian lao động. \*
   2. Xoá bỏ chế độ tư hữu tư bản.
   3. Sự phát triển tự do của tất cả mọi người.
   4. Nhà nước XHCN.
6. Cách mạng châu Âu 1848 là:
   1. Cách mạng XHCN.
   2. Tạo tiền đề cho cách mạng XHCN.\*
   3. Cách mạng công nghiệp.
   4. Cách mạng nông dân.
7. Quan điểm về thiết lập chuyên chính dân chủ cách mạng của giai cấp công nhân và nông dân của:
   1. C. Mác và Ph. Ăngghen.
   2. V.I. Lênin.\*
   3. Hồ Chí Minh.
   4. Các Đảng Cộng sản.
8. Cách mạng XHCN trong phạm vi cả nước ở Việt Nam từ năm:
   1. 1945.
   2. 1954.
   3. 1976.\*
   4. 1986.
9. Những thành tựu của công cuộc đổi mới ở Việt Nam khẳng định:
   1. Đường lối đổi mới của Đảng là đúng.\*
   2. Kinh tế tăng trưởng nhanh.
   3. Vị thế Việt Nan nâng cao.
   4. Đời sống nhân dân được cải thiện.

**Chương 5**

1. Theo quan điểm của C. Mác, cơ sở của mỗi thời đại lịch sử là:
   1. Phương thức sản xuất và trao đổi. \*
   2. Cơ cấu xã hội.
   3. Chế độ chính trị.
   4. Hình thái ý thức xã hội.
2. Phương hướng phát triển chính của thời đại do:
   1. Giai cấp giữ vị trí trung tâm của thời đại.\*
   2. Kiến trúc thượng tầng.
   3. Cơ sở kinh tế.
   4. Ý thức đạo đức xã hội.
3. Giai cấp tư sản giữ vị trí trung tâm trong giai đoạn lịch sử:
   1. Thế kỷ XVI đến 1789.
   2. 1789 – 1871. \*
   3. 1871 – 1917.
   4. 1917 – 1945.
4. Cách mạng tháng Mười Nga mở tời đại mới:
   1. Thời đại quá độ từ CNTB lên CNXH trên phạm vi thế giới.\*
   2. Thời đại XHCN.
   3. Thời đại cách mạng giải phóng dân tộc.
   4. Thời đại cách mạng khoa học và công nghệ.
5. Tính chất của thời đại ngày nay phản ánh:
   1. Tính thống nhất và mâu thuẫn giữa hai HTKT – XH.\*
   2. Về mặt kinh tế của CNTB và CNXH.
   3. Về mặt chính trị của CNTB và CNXH.
   4. Về mặt tư tưởng của CNTB và CNXH.
6. Những xu thế của thế giới hiện nay do tác động:
   1. Cách mạng khoa học và công nghệ. \*
   2. Cách mạng XHCN.
   3. Tiềm năng kinh tế của các nước TBCN.
   4. Ý thức dân tộc phát triển.

**Chương 6**

1. HTKT – XH cộng sản là sự phát triển trên cơ sở nào của CNTB:
   1. LLSX xã hội. \*
   2. QHSX của CNTB.
   3. Hình thài ý thức xã hội.
   4. Kiến trúc thượng tầng.
2. Sự phân kỳ HTKT – XH của C. Mác và V.I. Lênin, giống nhau:
   1. Thời kỳ quá độ chính trị. \*
   2. Quá độ trực tiếp.
   3. Quá độ gián tiếp.
   4. CNCS.
3. Sử dụng những bước quá độ nhỏ ở Việt Nam được thực hiện từ:
   1. 1945 – 1954.
   2. 1954 – 1975.
   3. 1975 – 1986.
   4. 1986 – Nay. \*
4. CNXH không xóa bỏ chế độ sở hữu nói chung mà chủ yếu xóa bỏ chế độ sở hữu TBCN vì:
   1. Các chế độ sở hữu khác đã bị CNTB xóa bỏ. \*
   2. Ý chí chủ quan của giai cấp công nhân.
   3. Nhu cầu thiết lấp chế độ công hữu.
   4. Thiết lập QHSX mới.
5. Điều kiện cơ bản nhất để con người phát triển tự do và toàn diện là:
   1. Rút ngắn thời gian lao động. \*
   2. Thực hiện công bằng, bình đẳng, tiến bộ xã hội.
   3. Chế độ xã hội mới.
   4. Nền kinh tế xã hội phát triển cao.
6. Quan niệm tổng quát về XHXHCN ở Việt Nam do:

a) Đại hội đại biểu toàn quốc ĐCSVN lần thứ X năm 2006.

**Chương 7**

1. Khái niệm dân chủ xuất hiện sớm nhất trong lịch sử vào thời:
   1. Nguyên thủy.
   2. Chiếm hữu nô lệ. \*
   3. Phong kiến.
   4. Tư bản.
2. Quyền lực thực sự của nhân dân dựa trên cơ sở nào:
   1. Nhân dân lao động làm chủ TLSX. \*
   2. Đấu tranh giai cấp.
   3. Chế độ bầu cử.
   4. Hệ thống chính trị.
3. Mỗi chế độ dân chủ gắn liền với:
   1. Hệ thống chuyên chính của giai cấp thống trị. \*
   2. Quyên tự do của nhân dân.
   3. Nhà nước siêu giai cấp.
   4. Quyền lực của nhân dân.
4. Nhân dân tham gia vào công việc quản lý nhà nước, quản lý xã hội, thuộc về:
   1. Bản chất kinh tế nền dân chủ XHCN.
   2. Bản chất chính trị nền dân chủ XHCN.\*
   3. Bản chất tư tưởng nền dân chủ XHCN.
   4. Cả a, b, c.
5. “Hệ thống chính trị XHCN với tư cách hệ thống thực thi quyền lực của nhân dân”, xuất xứ sử dụng nội dung trên:
   1. C. Mác.
   2. Quốc tế cộng sản.
   3. Lênin.
   4. Đảng Cộng sản Việt Nam. \*
6. Cấu trúc cơ bản hệ thống chính trị: “ Đảng Cộng sản lãnh đạo, nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ”, quan niệm đó của:
   1. Chủ nghĩa Mác – Lênin.
   2. Liên – Xô.
   3. Việt Nam.
   4. Các nước XHCN. \*
7. Công cụ quản lý xã hội cơ bản nhất ở các nước XHCN là:
   1. Các tổ chức quần chúng.
   2. Nhà nước XHCN. \*
   3. Quốc hội.
   4. Chính phủ.
8. Nâng cao hiệu quả hoạt động của nhà nước Việt Nam hiện nay cần thiết phải:
   1. Đổi mới quốc hội.
   2. Đổi mới chính phủ.
   3. Đổi mới các đoàn thể nhân dân.
   4. Đổi mới toàn bộ hệ thống chính trị. \*
9. Nền dân chủ XHCN ở Việt Nam thực hiên:
   1. Dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp. \*
   2. Dân chu đại diện.
   3. Dân chủ trực tiếp.
   4. Chuyên chính vô sản.

**Chương 8**

1. Chủ nghĩa xã hội khoa học nghiên cứu cơ cấu xã hội nào :
   1. Cơ cấu xã hội – dân cư.
   2. Cơ cấu xã hội – nghề nghiệp.
   3. Cơ cấu xã hội – dân số.
   4. Cơ cấu xã hội – giai cấp. \*
2. Sự xích lại gần nhau về mối quan hệ phân phối tư liệu tiêu dùng giữa các giai cấp, tầng lớp chủ yếu liên quan tới việc :
   1. Hoàn thiện chế độ chính trị.
   2. Hoàn thiện dần nguyên tắc phân phối theo kết quả lao động.\*
   3. Hoàn thiện dần nền dân chủ.
   4. Hoàn thiện dần quyền lực của nhân dân.
3. Tính quy luật sự biến đổi cơ cấu xã hội – giai cấp:
   1. Quy định bởi sự biến đổi cơ cấu kinh tế.\*
   2. Quy định bởi chế độ tư hữu.
   3. Quy định bởi hình thái ý thức xã hội.
   4. Quy định bởi chính sách xã hội.
4. Đại hội Đảng lần thứ mấy xác định : “… Lấy liên minh công nhân, nông dân và lao động trí thức làm nền tảng và do giai cấp công nhân lãnh đạo”:
   1. Đại hội II. \*
   2. Đại hội III.
   3. Đại hội IV.
   4. Đại hội VII.
5. Liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH có thuận lợi nào:
   1. Số lượng giai cấp công nhân ít.
   2. Công nhân và trí thưc, đa số xuất thân từ nông dân.\*
   3. Nông dân đại diện cho nền sản xuất nhỏ.
   4. Trí thức không có hệ tư tương riêng.
6. Nội dung cơ bản quyết định nhất của liên minh là:
   1. Liên minh về chính trị.
   2. Liên minh về kinh tế. \*
   3. Liên minh về văn hóa.
   4. Liên minh về xã hội.

**Chương 9**

1. Quốc gia dân tộc hình thành sớm ở phương Đông do :
   1. Quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước. \*
   2. Phát triển kinh tế hàng hóa sớm.
   3. Hình thành ngôn ngữ sớm.
   4. Phát triển cao nền văn hóa.
2. Quốc gia tư sản nào xác lập sớm trong lịch sử:
   1. Nước Anh .
   2. Hợp chủng quốc Hoa Kỳ.
   3. Nước Pháp.
   4. Hà Lan. \*
3. Chủ nghĩa xã hội khoa học nghiên cứu:
   1. Dân tộc là bộ phận của quốc gia.\*
   2. Quốc gia dân tộc.
   3. Bộ lạc, bộ tộc.
   4. Cả a, b, c
4. Xu hướng tách ra xác lập các cộng đồng dân tộc độc lập trong giai đoạn :
   1. Hình thành và phát triển của CNTB.\*
   2. Giai đoạn đế quốc chủ nghĩa.
   3. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội.
   4. Cả a, b, c
5. Xu hướng liên hiệp các quốc gia do:
   1. Nhu cầu phát triển PTSX hàng hóa – Quốc tế hóa. \*
   2. Chủ nghĩa đế quốc thực hiện chiến tranh xâm lược.
   3. Các dân tộc thuộc đia liên hiệp lại chống CNĐQ.
   4. Cả a, b, c
6. Phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc phát triển mạnh vào giai đoạn :
   1. 1870 – 1917.
   2. 1917 – 1945.
   3. !945 – 1960. \*
   4. !960 – 1975.
7. Nguyên tắc thống nhất của đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam, trên cơ sở:
   1. Phân tích hai xu hướng phát triển khách quan vấn đề dân tộc .\*
   2. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản.
   3. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội.
   4. Sự xụp đổ XHCN ở Liên Xô và Đông Âu.
8. Tư tưởng cơ bản nhất trong cương lĩnh dân tộc của V.I. Lênin là:
   1. Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng.
   2. Các dân tộc được quyền tự quyết.
   3. Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc. \*
   4. Cả a, b, c
9. Đặc trưng nổi bật trong quan hệ giữa các dân tộc ở Việt Nam là:
   1. Sự cố kết, hòa hợp dân tộc trong một cộng đồng thống nhất.\*
   2. Trình độ phát triển kinh tế không đều.
   3. Đa dạng bản sắc văn hóa.
   4. Cả a, b, c,

**Chương 10**

1. “ Tất cả mọi tôn giáo, chẳng qua chỉ là sự phản ảnh hư ảo – vào trong đấu óc của con người – của những lực lượng bên ngoài chi phối cuộc sống hàng ngày của họ…”. Ph. Ăngghen nhận xét về:
   1. Nguồn gốc tôn giáo.
   2. Bản chất của tôn giáo.\*
   3. Tính chất của tôn giáo.
   4. Cả ba nội dung trên.
2. Mặt khác tôn giáo phản ánh nhu cầu, khát vọng được cứu dúp, được che chở, được công bằng, được hạnh phúc của con người. Nội dung nói về:
   1. Tính lịch sử của tôn giáo.
   2. Tính nhân văn, nhân đạo, hướng thiện của tôn giáo. \*
   3. Tính chính trị của tôn giáo.
   4. Cả ba nội dung trên.
3. Quan điểm của C. Mác, giải quyết vấn đề tôn giáo là:
   1. Phê phán lễ nghi tôn giáo.
   2. Phê phán giáo lý tôn giáo.
   3. Đấu tranh chống các thành thần.
   4. Cải tạo xã hội hiện thực. \*
4. Tôn giáo mới ra đời ở Việt Nam giai đoạn đầu thế kỷ XX là:
   1. Phật giáo.
   2. Công giáo.
   3. Tin lành.
   4. Cao đài. \*
5. Luôn luôn cảnh giác, kịp thời chồng lại những âm mưu và thủ đoạn lợi dụng tôn giáo chống lại sự nghiệp cách mạng… Nội dung chính sách này trên cơ sở:
   1. Nguồn gốc tôn giáo.
   2. Bản chất của tôn giào.
   3. Tính chính trị của tôn giáo. \*
   4. Tính lịch sử của tôn giáo.

**Chương 11**

1. Hình thức gia đình nào hình thành sớm nhất trong lịch sử:
   1. Gia đình một vợ một chồng.
   2. Gia đình mẫu hệ (huyết thống).\*
   3. Đại gia đình phụ hệ.
   4. Gia đình phụ hệ.
2. Quan hệ nào xác định vị trí các thành viên trong gia đình:
   1. Hôn nhân.
   2. Huyềt thống.\*
   3. Quần tụ.
   4. Nuôi dưỡng.
3. Phương thừc sản xuất nào thủ tiêu mọi gia đình đối với người vô sản:
   1. Nguyên thủy.
   2. Phong kiến.
   3. Tư bản.\*
   4. Cả ba phương thức sản xuất trên.
4. Giải phóng phụ nữ là mục tiêu quan trọng của cách mạng XHCN, do chức năng nào của gia đình quy định:
   1. Tái sản xuất ra con người.
   2. Tổ chức đời sống gia đình.
   3. Giáo dục.
   4. Thỏa mãn các nhu cầu tâm, sinh lý, tình cảm.\*
5. Xây dựng gia đình mới ở Việt Nam hiện nay phải kế thừa, phát huy truyền thống nào của gia đình truyền thống:
   1. Phong tục cưới hỏi.
   2. Sự cố kết chặt chẽ giữa các thành viên. \*
   3. Gia đình đông con.
   4. Uy quyền tuyệt đối của người chồng.

**Chương 12**

1. “… trong tình hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa những quan hệ xã hội”. Trong những mối quan hệ xã hội, mối quan hệ vật chất nào là cơ bản:
   1. Quan hệ sản xuất. \*
   2. Quan hệ đồng loại.
   3. Quan hệ về tộc người.
   4. Quan hệ về chính trị.
2. Trong các nguồn lực xã hội khai thác, sử dụng, nguồn lực nào có tính quyết định:
   1. Khoa học – công nghệ.
   2. Ngồn lực con người.\*
   3. Thực thể tự nhiên.
   4. Nguồn vốn.
3. Ngưới lao động có hàm lượng trí tuệ cao, là đòi hỏi giai đoạn lịch sử:
   1. Phong kiến.
   2. Tư bản.
   3. Cách mạng công nghiệp.
   4. Cách mạng khoa học - công nghệ. \*
4. Tài năng cá nhân không được khuyến khích do:
   1. Tuyệt đối hóa tính xã hội của con người.\*
   2. Vai trò cá nhân lu mờ.
   3. Coi nhẹ tính nhân loại.
   4. Tư tưởng cơ hội, hữu khuynh.
5. Khắc phục tình trạng người lao động tách ra khỏi TLSX, là nội dung trong giải pháp:
   1. Lĩnh vực kinh tế. \*
   2. Lĩnh vực chính trị.
   3. Lĩnh vực xã hội.
   4. Lĩnh vực văn hóa.

**CÂU HỎI TỰ LUẬN**

1. Anh hay chị hãy tự luận: Chủ nghĩa xã hội khoa học theo nghĩa rộng là chủ nghĩa Mác – Lênin.
2. Anh hay chị hãy luận giải: Quá trình lịch sử – kinh tế nào đã nảy sinh ra giai cấp tư sản, giai cấp vô sản và sự sung đột giữa hai giai cấp ấy?
3. Anh hay chị hãy tự luận: Những quy luật và tính quy luật chính trị – xã hội chủ nghĩa xã hội nghiên cứu.
4. Ph. Ăngghen viết: “… Xanh Ximông, Phuriê, Ôoen, ba con người- mặc dầu tất cả tính không tưởng và ảo tưởng trong các học thuyết của họ- thuộc về những trí tuệ vĩ đại nhất của tất cả mọi thời đại và tiên đoán một cách thiên tài vô số những chân lý mà ngày nay chúng ta đang chứng minh sự đúng đắn của chúng một cách khoa học”. Anh hay chị hãy xác định những chân lý mà ba nhà chủ nghĩa xã hội không tưởng đã tiên đoán.
5. Anh hay chị hãy luận giải: Chủ nghĩa xã hội khoa học ra đời giữa thế kỷ XIX là một tất yếu lịch sử.
6. C. Mác, Ph. Ăngghen: “ Vấn đề là ở chỗ giai cấp vô sản là gì , và phù hợp với sự tồn tại của bản thân nó, giai cấp vô sản buộc phải làm gì về mặt lịch sử”. Hãy xác định những nội dung trên theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin.
7. C. Mác, Ph. Angghen: “ Trong tất cả các giai cấp đang đồi lập với giai cấp tư sản thì chỉ có giai cấp vô sản là giai cấp thực sự cách mạng. Các giai cấp khác đều suy tàn và tiêu vong cùng với sự phát triển của đại công nghiệp; giai cấp vô sản, trái lại, là sản phẩm của bản thân nền đại công nghiệp”. Anh hay chị tự luận, tác động khách quan sự phát triển nền sản xuất đại công nghiệp đến giai cấp công nhân.
8. Anh hay chị hãy tự luận: Quá trình lịch sử cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và giai cấp tư sản trong xã hội tư bản chủ nghĩa.
9. C. Mác và Ph. Ăngghen: “ Sự tập trung tư liệu sản xuất và xã hội hóa lao động đã đạt đến cái điểm mà chúng không cón thích hợp với cài vỏ tư bản chủ nghĩa của chúng nữa… nền sản xuất tư bản chủ nghĩa lại đẻ ra sự phủ định bản thân nó, với tính tất yếucủa một quá trình lịch sử – tự nhiên”. Hãy tự luận quan điểm trên.
10. C. Mác: “ Sự phát triển của đại công nghiệp dẫn đến chỗ làm chín muồi những mâu thuẫn và đối kháng của quá trình sản xuất và do đó đồng thời làm chín muồi cả những nhân tố để hình thành xã hội mới và những nhân tố làm đảo loan xã hội cũ”. Hãy luận giải nội dung quan điểm trên.
11. Mục tiêu cách mạng xã hội chủ nghĩa: Giải phóng con người, giải phóng xã hội. Đưa con người từ “ Vương quốc của tất yếu” sang “ Vương quốc chân chính của tự do”. Hãy luận giải, những điều kiện cơ bản thực hiện nội dung trên.
12. Anh hay chị hãy luận giải: Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về giành chính quyền bằng con đường hòa bình; những điều kiện, tình hình có thễ đảm bảo cho nhà tư bản phục tùng giai cấp công nhân.
13. Anh hay chị hãy tự luận: Sự giao kết giữa cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa trong lịch sử Việt Nam.
14. C. Mác và Ph. Ăngghen: “ Trong mỗi thời đại lịch sử, phương thức chủ yếu của sản xuất kinh tế và trao đổi cùng với cơ cấu xã hội do phương thức đó quyết định, đã cấu thành cái cơ sở cho lịch sử chính trị của thời đại và lịch sử phát triển trí tuệ của thời đại…”. Hãy luận giải quan điểm trên về cơ sở phân chia các thời đại lịch sử.
15. Anh chị hãy tự luận: Mâu thuẫn giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản là mâu thuẫn cơ bản nhất trong thời đại ngày nay.
16. Anh hay chị hãy tự luận: Tác động của cách mạng khoa học và công nghệ đến quá trình toàn cầu hóa; tác động hai mặt của toàn cầu hóa đối với Việt Nam hiện nay.
17. Anh hay chị hãy luận giải: Quá trình lịch sử – tự nhiên sự ra đời của hình thái kinh tế – xã hội cộng sản, ở các nước tư bản phát triển cao, theo quan điểm của C. Mác.
18. Anh hay chị hãy luận giải: Sự ra đời của HTKT – XH ở các nước chưa trải qua giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản.
19. Anh hay chị hãy luận giải: Nền sản xuất công nghiệp hiện đại là cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.
20. C. Mác và Ph. Ăngghen: “ Chủ nghĩa xã hội không xóa bỏ chế độ tư hữu nói chung mà xóa bỏ chế độ tư hữu tư sản”. Anh hay chị hãy luận giải quan điểm trên.
21. Anh hay chị hãy luận giải: Những cơ sở hình thành quan niệm tổng quát về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.
22. Anh hay chị hãy tự luận: Tại sao, phát triển lực lượng sản xuất, đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước là nhiệm vụ trung tâm trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.
23. Anh hay chị hãy tự luận: Những yếu tố quy định chế độ dân chủ khi xã hội phân chia thành giai cấp.
24. V.I. Lênin: “ … Không có một tổ chức nhà nước có kế hoạch khiến cho hàng chục triệu người phải tuân theo hết sức nghiêm ngặt một tiêu chuan thống nhất trong việc sản xuất và phân phối sản phẩm, thì không nói đến chủ nghĩa xã hội được”. Hãy tự luận quan điểm trên.
25. Anh hay chị hãy luận giải: Tại sao, nâng cao hiệu quả hoạt động của Nhà nước Việt Nam giai đoạn hiện nay, phải đổi mới hệ thống chính trị.
26. Anh hay chị cần làm gì ? để thực hiện đổi mới hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay.
27. Anh hay chị hãy luận giải: Đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa ở Việt Nam hiện nay sẽ biến đổi cơ cấu xã hội – giai cấp theo xu hướng tất yếu nào?
28. Hãy luận giải: Những cơ sở hình thành nội dung chính sách dân tộc của Đảng và nhà nước Việt Nam hiện nay.
29. C. Mác: “ Tôn giáo là tiếng thở dài của chúng sinh bị áp bức, là trái tim của một thế giới không có trái tim, cũng như nó là tinh thần của một trật tự không có tinh thần”. Hãy luận giải quan điểm trên.
30. Anh hay chị hãy luận giải: Những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo và khắc phục những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.
31. Anh hay chị hãy luận giải: Những nguyên nhân xuất hiện nhiều hiện tượng dấu hiệu của sự băng hoại, làm rạn nứt các mối quan hệ trong gia đình ở Việt Nam hiện nay.
32. Xây dựng gia đình mới ở Việt Nam hiện nay trên những cơ sở nào?
33. Anh hay chị luận giải: Tại sao trong các nguồn lực xã hội khai thác, nguồn lực con người là yếu tố quan trọng quyết định.
34. Trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa ở Việt Nam hiện nay; Anh (chị) phải làm gì để đáp ứng những đòi hỏi khách quan của sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

CÂU HỎI THI TRẮC NGHIỆM TẠI CHỨC K 2007

* 1. Sự phân công lao động trong công trường thủ công, cuộc cách mạng về:
     1. Tư liệu lao động.
     2. Sức lao động.
     3. Công cụ lao động.
     4. Đối tượng lao động.
  2. Máy móc, đại công nghiệp là cuộc cách mạng về:
     1. Tư liệu lao động.
     2. Phương thức sản xuất.
     3. Phương thức lao động.
     4. Đồi tượng lao động.
  3. Quá trình lịch sử phá vỡ sự thống nhất ban đầu giữa người lao động và tư liệu lao động của người đó, gọi là:
     1. Tư bản.
     2. Tích lũy tư bản.
     3. Tích tụ tư bản.
     4. Tích lũy nguyên thủy.
  4. Phát kiến địa lý cuối thế kỷ XV đầu thế kỷ XVI hình thành:
     1. Phân công lao động thế giới.
     2. Công trường thủ công.
     3. Thị trường thế giới.
     4. Nền sản xuất đại công nghiệp.
  5. Người đầu tiên đưa ra quan niệm: Muốn xóa bỏ áp bức, bóc lột, bất công – cần xóa bỏ chế độ tư hữu là:
     1. T. Campanela.
     2. T. Morơ.
     3. H. Xanhximông.
     4. S. Phuriê.
  6. Người thực hành rút ngắn thời gian lao động trong ngày cho người lao động trong công xưởng của mình là:
     1. Giăng Mêliê.
     2. S. Phuriê.
     3. H. Xanhximông.
     4. R. Ôoen.
  7. “ Trong tính hình sản xuất tư bản còn chưa chin muồi, thì lý luận tương ứng với tình hình đó cũng chưa chin muồi được”, nội dung nói về:
     1. Hoàn cảnh lịch sử.
     2. Nội dung tư tưởng XHCN.
     3. Hạn chế của CNXHkhông tưởng.
     4. Nguyên nhân của những hạn chế.
  8. Tác phẩm nào của C.Mác và Ph. Ăngghen, là nền tảng sự ra đời của CNXHKH:
     1. Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hêghen.
     2. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản.
     3. Tình cảnh giai cầp công nhân Anh.
     4. Bộ: Tư bản.
  9. “ Lần đầu tiên CNXH được trình bày một cách khoa học” trong tác phẩm nào của C. Mác:
     1. Tư bản, phê phán khoa kinh tế chính trị năm 1867.
     2. Tuyên ngôn của Đảng cộng sản.
     3. Sự khốn cùng của triết học.
     4. Tính cảnh giai cấp công nhân Anh.
  10. Tại sao chúng ta phải kế thừa và phát triển CNXHKH:
      1. Chủ nghĩa tư bản đã thay đổi bản chất của nó.
      2. Chủ nghĩa xã hội hiện thực sụp đổ.
      3. Hoàn cảnh kinh tế - lịch sử đã thay đổi.
      4. Cách mạng khoa học – công nghệ.
  11. Phương thức lao động khác phương thức sản xuất ở chỗ:
      1. Lao động cụ thể.
      2. Lao động trừu tượng.
      3. Đối tượng lao động.
      4. Sản xuất ra sản phẩm vật chất.
  12. Tập đoàn xã hội, nghĩa là “ một tổ chức lao động xã hội nhất định”, do quá trình nào tạo ra:
      1. Sự phân công lao động trong công trường thủ công.
      2. Nền sản xuất đại công nghiệp.
      3. Hợp tác giản đơn.
      4. Tích lũy nguyên thủy.
  13. Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa về bản chất là:
      1. Phương thức sản xuất hàng hóa.
      2. Phương thức sản xuất ra giá trị thặng dư .
      3. Hoạt động có ý thức của con người.
      4. Tổ chức sản xuất của nhà tư bản.
  14. Nền sản xuất công nghiệp hiện đại trong xã hội tư bản phát triển do:
      1. Mục đích sản xuất ra giá trị thặng dư của nhà tư bản.
      2. Phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân.
      3. Tác động của khoa học – công nghệ.
      4. Phát triển của LLSX.
  15. Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân do:
      1. Sự phát triển cao của nên sản xuất vật chất đại công nghiệp TBCN.
      2. Giai cấp công nhân bị thống trị, bóc lột.
      3. Đấu tranh của giai cấp công nhân chống lại nhà tư sản.
      4. Tập hợp phong trào công nhân địa phương.
  16. Phong trào hiến chương công nhân Anh với nội dung:
      1. Đập phá mày móc.
      2. Đình công.
      3. Lập hội.
      4. Đòi cải cách tổng tuyển cử.
  17. Ngày quốc tế lao động 1/5 hàng năm, đưa ra trong:
      1. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản 1848.
      2. Hội liên hiệp lao động quốc tế 1864.
      3. Hội công nhân quốc tế 1866.
      4. Đại hội công nhân quốc tế Pari 1889.
  18. Cách mạng XHCN nổ ra do:
      1. Sự tập trung TLSX và xã hội hóa lao động cao của nền sản xuất TBCN.
      2. Tính thế cách mạng.
      3. Thời cơ cách mạng.
      4. Phương pháp cách mạng.
  19. Khả năng giành chính quyền bằng phương pháp hòa bình của cách mạng XHCN, C. Mác nghiên cứu từ thực tiễn lịch sử:
      1. Châu Âu năm 1848.
      2. Nước Anh những năm 70 thế kỷ XIX.
      3. Công xã Pari 1871.
      4. Chiến tranh Pháp – Phổ.
  20. Cách mạng châu Âu năm 1848 :
      1. Cách mạng XHCN.
      2. Tạo tiền đề lịch sử cho cách mạng XHCN.
      3. Cách mạng công nghiệp.
      4. Chiến tranh nông dân.
  21. Quan điểm thiết lập chuyên chính cách mạng giai cấp công nhân và nông dân của:
      1. C. Mác và Ph. Ăngghen.
      2. V. I. Lênin.
      3. Hồ Chí Minh.
      4. Đảng Cộng sản.

**NGUỒN LỰC CON NGƯỜI ( Tư bản nhân lực )**

Lý luận về giá trị và giá trị sử dụng của sức lao động của Mác đã hàm chứa một số tư tưởng hợp lý nào đó vế tư bản nhân lực của các nhà học giả phương Tây.

Căn cừ vào tinh thần lý luận của Mác để cải tạo và sử dụng một cách có phê phán khài niệm tư bản nhân lực này.

Tư bản nhân lực có hình thái đặc thù được thể hiện ở trên người lao động, nó dược hình thành thông qua đầu tư và do tri thức, kỹ năng và thể lực của người lao động cấu thành nên. Hay cũng chính là tư bản phi vật chất được thể hiện ở trên người lao động, đồng thời biểu thị ra bằng số lượng và chất lượng. Cũng giống như tư bản vật chất, tư bản nhân lực cũng có quy định về số lượng và chất lượng.

Xem xét về mặt số lượng, số người ở độ tuổi lao động trong một xã hội là bao nhiêu thì về một mức độ nhất định cò thể biểu thị quy mô của tư bản nhân lực của xã hội đó.

Xét về mặt chất lượng, tố chất hoặc năng lực làm việc, trình độ kỹ thuật, mức độ thành thục của mỗi người lao động không giống nhau; cùng một người lao động, trước và sau khi tiếp thu một sự huấn luyện, đào tạo nào đó thì chất lượng lao động hoặc năng lực làm việc của anh ta cũng tồn tại sự khác biệt.

Do vậy, sự biểu đạt chuẩn xác mức độ của tư bản nhân lực cón phải liên hệ đến tình hình tiềp thu đào tạo và huấn luyện của người lao động. Sự khác biệt của tư bản nhân lực và tư bản vật chất là quyền sở hữu của tư bản nhân lực không có thuộc tính chuyển nhượng và kế thừa. Tư bản nhân lực là một loại yếu tố sản xuất hiếm và thiếu, là nhân tố có tính quyết định đến sự tăng trưởng của nền kinh tế và sự phát triển của xã hội.

C. Mác coi yếu tố con người trong sức sản xuất là yếu tố quan trọng nhất. Kinh tế học phương Tây đã khài quát các yếu tố sản xuất cấu thành: Tư bản, lao động, đất đai, năng lực sáng tạo của nhà doanh nghiệp. Tư bản ở nay là tư bản phẩm ( sản phẩm vật chất: Công cụ sản xuất, điều kiện vật chất như những công trình kiến trúc, đường sá, đèn chiếu sáng…, nguyên liệu sản xuất ) – Yếu tố vật cùng với đất đai cấu thành nền sản xuất; mà lao động thực tế là chỉ người lao động có kỹ năng nhất định. Họ đã cùng với năng lực sáng tạo của nhà doanh nghiệp cùng cấu thành nên yếu tố con ngưới. Chỉ có yếu tố con người mới có thể tổ chức lại yếu tố vật, hình thành nên sức sản xuất hiện thực. Nếu như ta đem yếu tố con người quay trở về với nguồn gốc là giá trị thì có thể coi nó là tư bản, tức tư bản nhân lực.

Bất kể kỹ năng lao động của người lao động hay năng lực sáng tạo của nhà doanh nghiệp thì đều là yếu tố không thể thiếu trong sản xuất. Trong điều kiện nền kinh tế thị trường, càc yếu tố phải được phân bổ căn cứ vào cơ chế thị trường, nguồn nhân lực vời tư cách là một hình thái đặc thù của tư bản thì cũng được phân bổ bởi thị trường, do đó cũng có thuộc tính của hàng hóa.

CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu một : Tại sao không có dân chủ phi giai cấp.

Đáp án :

* Khi lịch sử loài người phân chia thành các giai cấp và đấu tranh giai cấp; giai cấp bị thống trị, bị bóc lột hình thành nhu cầu đấu tranh giành lấy dân chủ trong tay giai cấp áp bức bóc lột mình.
* Dân chủ là một phạm trù lịch sử, một phạm trù chính trị.
* Dân chủ là hình thức tổ chức nhà nước, gắn liền với hệ thống chuyên chính của giai cấp thống trị xã hội.
* Với một chế độ dân chủ và nhà nước tương ứng, tính chất của giai cấp thống trị chi phối tất cả các lĩnh vực trong xã hội.

Câu hai : Dân chủ phụ thuộc vào những yếu tố nào ?

Đáp án :

* Chế độ chính trị của xã hội.
* Chế độ sở hữu về những tư liệu sản xuất chủ yếu.
* Trình độ dân trí.
* Phẩm chất đạo đức và năng lực làm việc của đội ngũ công chức nhà nước.

Câu ba : Sự biến đổi của cơ cấu xã hội – giai cấp ở Việt Nam trên cơ sở nào?

Đáp án :

* Sự biến đổi cơ cấu kinh tế. Từ cơ cấu kinh tế nông nghiệp – nông dân trước cách mạng tháng 8/1945; sang cơ cấu kinh tế công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ, từ 1945 đến nay.
* Hiện nay ở nước ta đã hình thành cơ cấu kinh tế công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ; tương ứng là giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức.
* Tỷ trọng lao động trong càc ngành kinh tế có tính quyết định sự biến đổi cộng đồng các giai cấp và tầng lớp.
* Sự biến đổi cơ cấu kinh tế trên cơ sở tính chất và trình độ phát triển của LLSX , sự tác động của quà trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

Câu bốn : Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta hiện nay dựa trên cơ sở nào?

Đáp án :

* Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn đề dân tộc.
* Những đặc trưng cơ bản quốc gia dân tộc Việt Nam.
* Thực tiễn lịch sử đấu tranh cách mạng để xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam.
* Tình hình thế giới trong giai đoạn hiện nay.